

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BÁN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ
VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/07/2015)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 52./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 8 năm 2016)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY .../.../2016 TẠI :

1. Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4277 / (061) 351 4279
- Fax: (061) 351 4276
- Email : cbtt@sametel.com.vn
- Website: <http://sametel.com.vn>

Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3551 3733 / (08) 3551 3732
- Fax: (08) 3551 5164 / (08) 3551 3735

2. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3773 7070
- Fax: (04) 3773 9058
- Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 6290 8686
- Fax: (08) 6291 0560

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Trần Văn Dương**

Chức vụ: **Kế toán Trưởng**

Số Điện thoại: **0913.724.039**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/07/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Giá chào bán:** 14.000 đồng/cổ phần
- **Tổng số lượng chào bán :** 985.930 cổ phần
- **Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:** 9.859.300.000 đồng
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Địa chỉ: Số 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3910 3908/(08) 3910 4881 Fax: (08) 3910 4880

Website: <http://aascn.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	10
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	62
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	68
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	68
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	70
IX. PHỤ LỤC	72

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm.

Tuy nhiên trong bối cảnh đó, năm 2015, kinh tế Việt Nam đã ghi dấu nhiều điểm sáng. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,68% so với năm 2014, trong đó Quý I tăng 6,12%; Quý II tăng 6,47%; Quý III tăng 6,87%; Quý IV tăng 7,01%. Mức tăng trưởng của năm 2015 cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. CPI bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014, đây là mức tăng thấp nhất trong 14 năm qua. Nguyên nhân của việc CPI tăng thấp là do: (1) xuất khẩu gạo gặp khó khăn đã tác động đến giá bán buôn, bán lẻ gạo trong nước giảm theo dẫn đến chỉ số giá nhóm lương thực năm 2015 giảm; (2) Giá nhiên liệu trên thị trường thế giới giảm mạnh dẫn đến giá xăng dầu trong nước điều chỉnh giảm, kéo theo chỉ số giá nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng và nhóm giao thông năm 2015 giảm so với năm 2014; (3) Công tác quản lý thị trường, giá cả được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện dẫn đến mức độ điều chỉnh giá của nhóm hàng do Nhà nước quản lý như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế cũng thấp hơn các năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2015 tăng 2,05% so với năm trước.

Công ty hiện tại là nhà cung cấp các giải pháp về Viễn thông và Điện lực, các sản phẩm được làm từ nguyên liệu Composite phục vụ cho ngành viễn thông, điện và công nghiệp. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ bởi các công ty viễn thông, điện lực... phục vụ công trình mạng lưới điện thoại, công trình xây dựng cao ốc, nhà ở. Do vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp, tình hình lạm phát,... ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, Chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến tổ chức niêm yết. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty. Với lộ trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới thông qua các tổ chức như WTO hay các hiệp định như TPP ... thì hệ thống pháp lý Việt Nam sẽ phải hoàn thiện cho phù hợp với các chuẩn mực pháp lý

thế giới, các Công ty có cơ hội hoạt động kinh doanh với cơ chế thông thoáng hơn, minh bạch và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, Công ty là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu trong ngành Viễn thông và Điện lực nên Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng từ các chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực này. Do đó, hoạt động kinh doanh của công ty cũng chịu những ảnh hưởng khi Nhà nước có sự điều chỉnh trong chính sách ngành.

Mỗi một sự thay đổi đều hàm chứa cơ hội và thách thức, do đó Công ty đã có chuẩn bị kỹ lưỡng từ việc nghiên cứu các văn bản pháp luật, rà soát hoạt động, từ đó đưa ra các phương án điều chỉnh các vấn đề có liên quan sao cho phù hợp, đồng thời nắm bắt các cơ hội do sự thay đổi này mang lại. Công ty luôn cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của mình.

3. Rủi ro đặc thù

- *Rủi ro về tỷ giá:* Phần lớn các nguyên liệu của Công ty đều phải nhập khẩu. Công ty thanh toán các đơn hàng nhập khẩu nguyên liệu bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, tỷ giá đồng USD bình quân tăng 3,16% (giá mua vào ngày 31/12/2015: 22.450 đồng/USD tại ngân hàng Vietcombank). Điều này ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu làm tăng giá vốn hàng bán. Để giảm thiểu rủi ro chênh lệch tỷ giá, Công ty đã đẩy mạnh việc xuất khẩu hàng sang các nước khác nhằm gia tăng thêm nguồn ngoại tệ.
- *Rủi ro về các yếu tố đầu vào:* Giá sắt, thép biến động tỷ lệ thuận với giá kim loại mạnh. Ngoài ra các loại nhựa dùng để bọc cáp và sản xuất tủ hộp cũng bị ảnh hưởng và biến động rất lớn bởi giá thế giới; do đó việc tăng giá hay giảm giá của các loại vật tư chính này sẽ ảnh hưởng tới giá cả và sản lượng tiêu thụ của Công ty.
- *Rủi ro cạnh tranh:* Mặt hàng cáp và vật liệu viễn thông trên thị trường hiện nay chủ yếu cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ chính như Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Điện lực (EVN), Viettel, SPT, FPT,... do đó việc phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thông qua đấu thầu trong khi đó cạnh tranh trong đấu thầu ngày càng gia tăng khi hầu hết các doanh nghiệp đều cố gắng hạ giá chào thấp nhất. Mặt khác, theo tiến trình hội nhập và mở cửa kinh tế thì những rào cản đối với những sản phẩm nhập khẩu cũng được gỡ bỏ đồng thời với sự góp mặt ngày càng nhiều của các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực sản xuất cáp càng làm gia tăng thêm áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành.

4. Rủi ro từ đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là rất thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành là cổ đông hiện hữu. Nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh của Công ty. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán. Tuy nhiên, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, lãnh đạo CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cũng đã cam kết sẽ chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu không bán hết cho các đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

- ❖ Việc phát hành thêm cổ phần sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu. Ngoài ra, việc đưa thêm vốn vào hoạt động kinh doanh chưa mang lại doanh thu và lợi nhuận tương ứng nhưng tổng số lượng cổ phần lưu hành so với hiện tại tăng lên vì thế chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có khả năng sẽ giảm so với trước khi phát hành.
- ❖ Cụ thể, trong đợt phát hành này, Công ty chào bán 985.930 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 14.000 đồng/cổ phần. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm gần 22% so với số cổ phiếu hiện đang lưu hành. Giá cổ phiếu sau khi thực hiện chào bán có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- ❖ Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định
- PR_{t-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR : là giá phát hành

Ví dụ: Giả sử giá cổ phiếu SMT vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành là 985.930 cổ phần. Giá chào bán là 14.000 đồng/cp.

Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 4.481.502 cổ phần. Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(20.000 \times 4.481.502) + (14.000 \times 985.930)}{(4.481.502 + 985.930)} = 18.918 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của SMT cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của SMT.

- ❖ Tuy nhiên, rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sau đợt phát hành.

6. Rủi ro quản trị

Đối với bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị và cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với văn hóa và chiến lược phát triển của Công ty là rất cần thiết. Đánh giá đúng vai trò của quản trị Công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Đối với Công ty, việc tăng quy mô vốn sau đợt phát hành sẽ dẫn đến những rủi ro về mặt quản trị Công ty cũng như những khó khăn trong việc quản lý, sử dụng nguồn nhân lực sao cho hiệu quả nhất. Tuy nhiên với một đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm cùng với một phương án phát hành khả thi, Công ty đã hạn chế được rủi ro này.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là các rủi ro về hỏa hoạn. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

- Ông **Phạm Ngọc Tuấn** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Nguyễn Thiện Cảnh** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông **Trần Văn Dương** Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà **Phạm Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Ông **Nguyễn Văn Trung** Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh**


Giấy Ủy quyền số 159 – 2015/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 22 tháng 12 năm 2015

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Công ty/ SMT : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- FPTS : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- CP : Cổ phần
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- Thành viên chủ chốt : Thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT Công ty Cổ Phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- BCTC : Báo cáo tài chính
- Tổ chức chào bán : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- Tổ chức kiểm toán : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
- VDL : Vốn điều lệ
- VNĐ : Việt Nam đồng
- TSCĐ : Tài sản cố định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Giới thiệu về công ty**

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
- Tên tiếng Anh : **SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM CORPORATION**
- Tên viết tắt : **SAMETEL**
- Mã chứng khoán : **SMT**
- Logo : 
- Vốn điều lệ : **44.815.020.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ tám trăm mười lăm triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng)**
- Trụ sở chính : **Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**
- Điện thoại : **(061) 351 4277/ (061) 351 4279**
- Fax : **(061) 351 4276**
- Văn phòng đại diện tại TP.HCM : **135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh**
- Điện thoại : **(08) 3551 3733/ (08) 3551 3732**
- Fax : **(08) 3551 5164/ (08) 3551 3735**
- Email : **cbtt@sametel.com.vn**
- Website : **<http://sametel.com.vn>**
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh : **Số cũ 4703000342 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 với mã số doanh nghiệp là 3600850734 ngày 14 tháng 7 năm 2015**

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất lắp ráp các thiết bị viễn thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi: Thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy;
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Bán buôn, xuất nhập khẩu: thiết bị viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn, xuất khẩu: thiết bị, nguyên vật liệu điện;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ, xuất nhập khẩu: thiết bị viễn thông;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn, xuất nhập khẩu: hàng kim khí điện máy;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Trang trí nội thất;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, khuôn mẫu (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: sản xuất kinh doanh các sản phẩm khung nhôm, trần nhôm, trần kim loại.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 2006

Công ty Cổ phần Sam Cường được thành lập từ ngày 20 tháng 10 năm 2006, được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông - thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty SACOM góp vốn 30% trên cơ sở chuyển giao công nghệ, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân, dây chuyền sản xuất, công nghệ.....

Năm 2008

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 4123005114 ngày 12/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Năm 2009

Công ty tiếp tục tăng số loại sản phẩm phục vụ cho ngành điện và viễn thông. Về các sản phẩm cáp quang và phụ kiện quang, Công ty đã phát triển các sản phẩm đa dạng hơn để đáp ứng cơ bản nhu cầu của thị trường về quang. Ngoài ra còn tiếp tục phát triển các sản phẩm composite phục vụ cho các ngành khác ngoài ngành điện lực và viễn thông.

Năm 2010

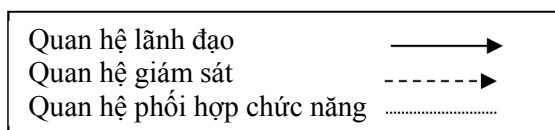
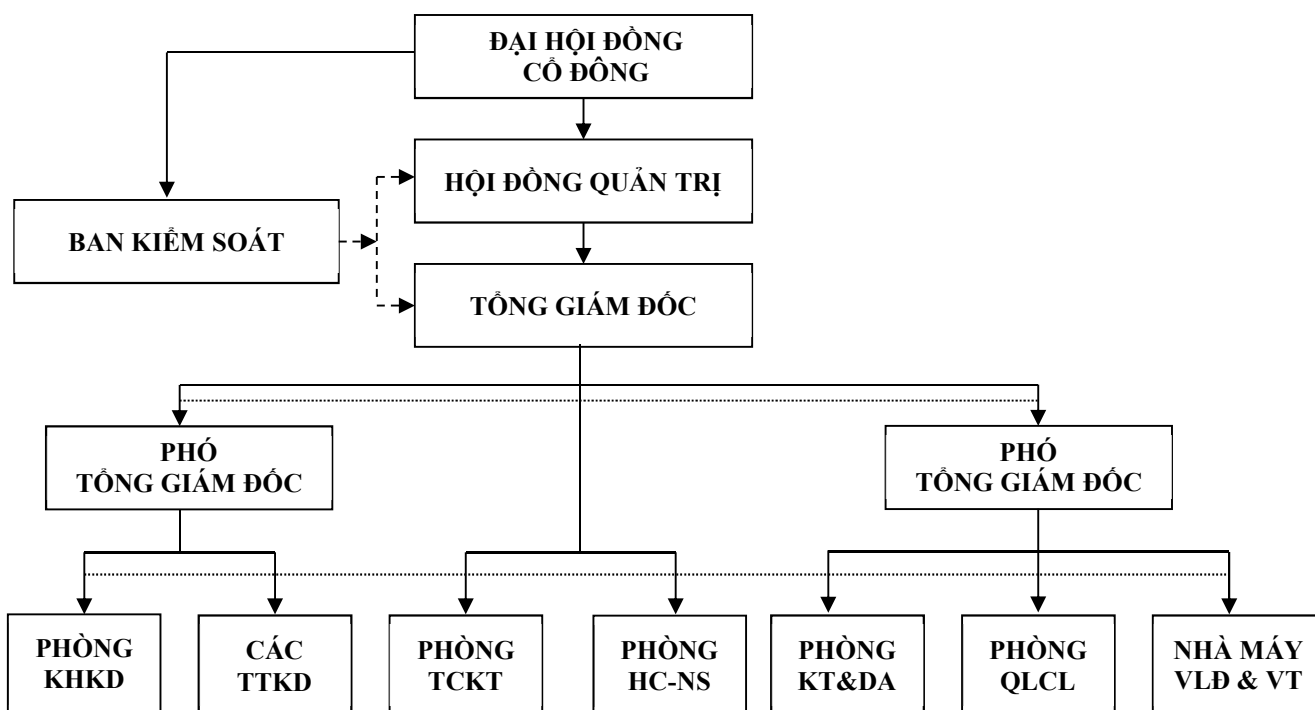
Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận niêm yết số 291/QĐ-SGDHN ngày 26/05/2010 của Sở GDCK Hà Nội. Ngày 30/07/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SMT.

Đến nay

Công ty tiếp tục khẳng định được vị trí của mình đối với thị trường ngành Viễn thông và Điện lực; thông qua các sản phẩm đạt chất lượng nhất là các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite.

3. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

- Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định theo Luật doanh nghiệp 2014, tuân thủ các quy định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty được trình bày theo sơ đồ dưới đây.



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế, nội quy khác của Công ty cụ thể như sau:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:

- Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Bầu, bãi miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện tại có năm (05) người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là năm (05) năm phù hợp với quy định Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có các quyền hạn sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo báo cáo quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hiện tại có ba (03) người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là năm (05) năm, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Tổng giám đốc Công ty**

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc Công ty có ba (03) người, gồm: một (01) Tổng giám đốc và hai (02) Phó Tổng giám đốc.

- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - Và các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

- **Phó Tổng Giám đốc:** Là cán bộ quản lý nghiệp vụ chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc trên các lĩnh vực kỹ thuật, sản xuất, quản lý chất lượng... giúp việc trực tiếp cho Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.
- ❖ **Các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc:**
 - **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

Phòng Kế hoạch kinh doanh tham mưu các vấn đề liên quan đến:

 - Nghiên cứu và xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;
 - Triển khai thực hiện công tác kinh doanh;
 - Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp, mua sắm vật tư sản xuất;
 - Thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, khách hàng, sản phẩm... xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình tiếp thị của Công ty;
 - Nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới.
 - **Trung tâm Kinh doanh**

Triển khai thực hiện việc kinh doanh các sản phẩm địa bàn và khúc thị trường được giao. Hỗ trợ khách hàng và giải quyết khiếu nại.
 - **Phòng Tài chính Kế toán**
 - Phòng Tài chính kế toán có chức năng tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán tuân thủ các nguyên tắc kế toán hiện hành;
 - Lập kế hoạch tài chính - đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn cho Công ty;
 - Thực hiện việc thanh toán, thu hồi công nợ kịp thời;
 - Tổ chức tự kiểm tra định kỳ về tình hình chấp hành các quy định của Nhà nước và Công ty về quản lý tài chính - tín dụng.
 - Thực hiện nhiệm vụ phân tích các thông tin Kinh tế - Tài chính - Tín dụng, lập báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lập báo cáo công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật.
 - Phụ trách các mảng công việc liên quan đến cổ đông và cổ phiếu của Công ty.
 - **Phòng Hành chính - Nhân sự**

Tham mưu về công tác nhân sự, tiền lương và các chế độ đối với người lao động. Chịu trách nhiệm, tổ chức và giám sát việc thực hiện các công việc liên quan đến công tác hành chính, phòng cháy chữa cháy, y tế và bảo vệ an ninh trật tự của Công ty.

- **Phòng Kỹ thuật và Dự án**

Tham mưu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ sản xuất, nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới. Chịu trách nhiệm trực tiếp về máy móc thiết bị, hệ thống điện, khuôn mẫu cơ khí, kỹ thuật và công nghệ sản xuất của tất cả các sản phẩm mà Công ty sản xuất và cung cấp.

- **Phòng Quản lý chất lượng**

Phòng Quản lý chất lượng tham mưu về tất cả các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư sản xuất của Công ty. Nhằm tạo ra sự ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua sự đo lường, phân tích và cải tiến. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- **Nhà máy Vật liệu Điện và Viễn thông**

Là đơn vị trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm: thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cũng như chất lượng sản phẩm của từng đối tượng khách hàng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CN ĐKKD	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	3600253537	1.458.475	14.585.750.000	32,54
2	AFC VF LIMITED	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd., 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	CA6761	617.800	6.178.000.000	13,79
	- Người đại diện: Ông Andreas Karall		IA5975	325.600	3.256.000.000	7,27
3	NGUYỄN THIÊN CẢNH	80 Lê Thánh Tôn, P. Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	271837058	250.308	2.503.080.000	5,59
Tổng cộng				2.652.183	26.521.830.000	59,19

(Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường ngày 26/02/2016)

❖ Danh sách cổ đông sáng lập

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 20/10/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 14/07/2015.

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/02/2016

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	521	3.373.457	33.734.570.000	75,28
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	13	1.459.758	14.597.580.000	32,57
3	Cổ đông cá nhân	508	1.913.699	19.136.990.000	42,70
II	Cổ đông nước ngoài	20	1.108.045	11.080.450.000	24,72
1	Cổ đông tổ chức	6	663.162	6.631.620.000	14,80
2	Cổ đông cá nhân	14	444.883	4.448.830.000	9,93
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		541	4.481.502	44.815.020.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường ngày 26/02/2016)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của SMT, những công ty mà SMT đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SMT

Không có.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Giấy phép ĐKKD lần đầu		2.500.000	25.000.000.000	Cổ phần hóa	Sở KH & ĐT tỉnh Đồng Nai
Đợt 1	Năm 2011	265.787	2.657.870.000	+ Phát hành ra công chúng: Phát hành 500.000 cp cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5:1) và 100.000 cp cho người lao động + Giá phát hành: 10.000 đồng/cp	UBCKNN
Đợt 2	Năm 2012	165.937	1.659.370.000	+ Phát hành cổ phiếu để chi trả 6% cổ tức đợt 2 năm 2010. + Nguồn phát hành: từ lợi nhuận sau thuế năm 2010	UBCKNN
Đợt 3	Năm 2013	146.429	1.464.290.000	+ Phát hành cổ phiếu để chi trả 5% cổ tức năm 2012 + Nguồn phát hành: từ lợi nhuận sau thuế năm 2012	UBCKNN
Đợt 4	Năm 2015	923.445	9.234.450.000	+ Phát hành ra công chúng: Phát hành 923.445 cp cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:3)	UBCKNN

				+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cp	
Đợt 5	Năm 2015	479.904	4.799.040.000	+ Phát hành cổ phiếu để trả 12% cổ tức năm 2014. + Nguồn phát hành: từ lợi nhuận sau thuế năm 2014	UBCKNN
Tổng cộng		4.481.502	44.815.020.000		

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

❖ Sản phẩm, dịch vụ chính

- Các sản phẩm phục vụ ngành viễn thông:
 - + Tủ, hộp cáp ABS, Composite các loại.
 - + Cáp và phụ kiện quang: Cáp quang, dây thuê bao quang, Tủ phối quang tập trung trong nhà và ngoài trời dung lượng đến 960FO, hộp ODF, dây nhảy, dây nối, măng xông quang.
 - + Các sản phẩm khác: Modem ADSL, hộp đấu dây, măng xông cáp đồng.
- Tủ cáp điện lực composite, sắt sơn tĩnh điện phục vụ ngành điện lực, viễn thông: tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... đủ các loại, kích cỡ theo nhu cầu của khách hàng.
- Và các sản phẩm dân dụng khác từ nguyên liệu composite.

❖ Hình ảnh một số sản phẩm chính

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH

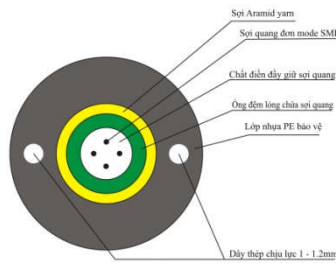


- Tủ phối quang ngoài trời bằng vật liệu Composite hoặc sắt sơn tĩnh điện. Dung lượng tối đa 480FO.
- ODF tập trung dung lượng tối đa 960FO.
- Tủ điện lực: Tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... bằng vật liệu Composite hoặc sơn tĩnh điện.

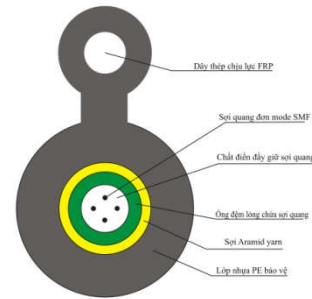
CÁP THUÊ BAO QUANG



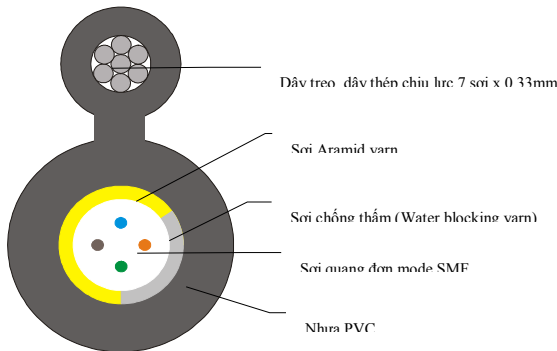
Cáp thuê bao quang ngàm, treo dung lượng 2-4FO có aramid yarn



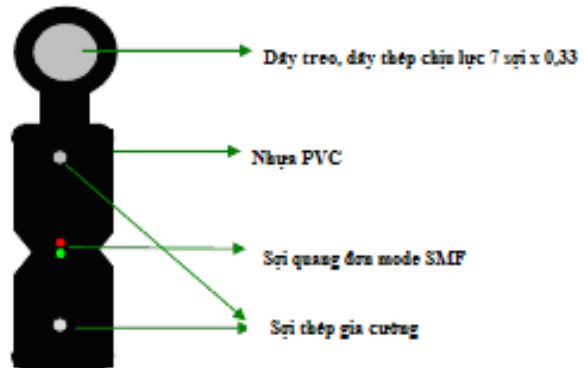
Cáp truy nhập ngàm (DAC) dung lượng 4FO có aramid yarn



Cáp truy nhập FTTH dung lượng 2-4FO có aramid yarn

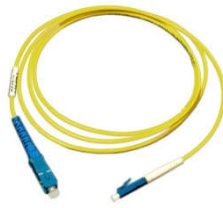


Cáp quang treo bọc trực tiếp



Cáp quang treo hình số 8 bọc trực tiếp

DÂY NỐI QUANG – DÂY NHẢY QUANG



CÁC LOẠI ADAPTOR



TỦ - HỘP PHỐI QUANG



Hộp ODF các loại



Hộp phối quang tại thuê bao



Tủ phối quang ngoài trời



Mảng xông quang



Converter quang điện



Optical Splitter

PHỤ KIỆN CÁP ĐỒNG



Hộp cáp ABS dung lượng từ 10P-100P



Tủ cáp CPS dung lượng từ 100P-2400P

TỦ ĐIỆN LỰC

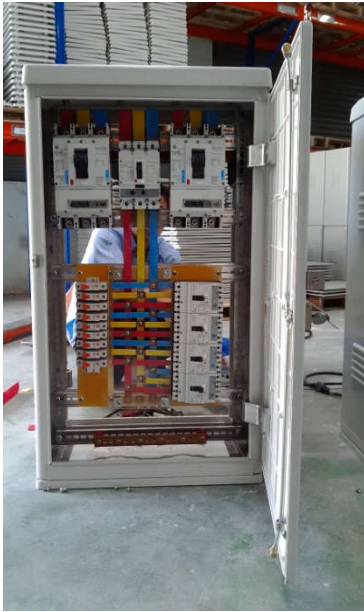


Tủ đảo nguồn



Tủ đóng cắt động cơ





Tủ điện 3 pha lắp đặt điện kế và CB

❖ Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm/dịch vụ qua các năm
DVT: 1.000 đồng

STT	Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2014		Năm 2015		Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Cáp quang thuê bao	126.211.112	61,95	160.479.604	56,39	78.687.226	53,38
2	Tủ phân phối điện lực	19.418.874	9,53	38.333.161	13,47	17,201,758	11,67
3	Tủ, hộp phối cáp viễn thông	18.593.866	9,13	18.429.631	6,48	3.726.648	2,53
4	Hoạt động sản xuất khác, thương mại	39.495.912	19,39	67.370.985	23,67	47.807.133	32,43
Tổng cộng		203.719.764	100,00	284.613.381	100,00	147.422.765	100,00

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2014, 2015 và BCTC bán niên soát xét 2016)
❖ Cơ cấu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sản phẩm/dịch vụ qua các năm
DVT: 1.000 đồng

STT	Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2014		Năm 2015		Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Cáp quang thuê bao	6.509.331	59,39	10.301.397	71,83	4.721.234	66,90
2	Tủ phân phối điện lực	2.126.125	19,40	1.929.698	13,46	1.204.122	17,06
3	Tủ, hộp phối cáp viễn thông	2.035.797	18,58	927.751	6,47	149.066	2,11
4	Hoạt động sản xuất khác, thương mại	288.572	2,63	1.182.588	8,25	983.106	13,93
Tổng cộng		10.959.825	100,00	14.341.434	100,00	7.057.528	100,00

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2014, 2015 và BCTC bán niên soát xét 2016)

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành
❖ Tình hình thực hiện công tác đầu tư trong năm 2015

TT	Dự án đầu tư	ĐVT	Giá trị theo HĐ/ quyết định đầu tư	Giá trị đã thực hiện 2015	Ghi chú
I Đã hoàn thành					
1	Khuôn hông, cánh cho tủ điện lực CPS kích thước 1400mm	Tr.đ	940	940	KH 2014 chuyển sang
2	Xe ô tô 7 chỗ ngồi	Tr.đ	740	741	
3	Máy ép CPS 300T	Tr.đ	46.000 USD	996	46.000 USD
4	Đầu tư máy chần NC	Tr.đ	90.000 USD	1.751	81.000 USD
5	Thiết bị sản xuất viễn thông và điện		200.000 USD	1.634 Tr.đ và 125.000 USD	
5.1	<i>Dây chuyên bọc FTTH phi 45</i>	<i>Tr.đ</i>		354	
5.2	<i>Máy ép CPS 600T, khung 800T</i>	<i>Tr.đ</i>		2.857	125.000 USD
5.3	<i>Máy chần thanh cái tủ điện lực</i>	<i>Tr.đ</i>		365	
5.4	<i>Máy in phun (4 cái)</i>	<i>Tr.đ</i>		758	
5.5	<i>Máy đo quang</i>	<i>Tr.đ</i>		157	
Cộng I			1.680 Tr.đ và 336.000 USD	8.919 Tr.đ	3.315 Tr.đ và 252.000 USD
II Đang thực hiện					
1	Nhà xưởng giai đoạn 2	Tr.đ	12.757	190	Giá trị đã thực hiện

❖ Kế hoạch đầu tư

Kế hoạch đầu tư năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua:

TT	Dự án đầu tư	ĐVT	Tổng mức đầu tư năm 2014
1	Xe nâng 3 tấn	Tr.đ	700
2	Khuôn mẫu CPS	Tr.đ	2.000
3	Phần mềm + Thiết bị quản lý	Tr.đ	500
4	Thiết bị sản xuất viễn thông	USD	180.000
5	Thiết bị cơ khí	USD	150.000
Cộng		Tr.đ	3.200
		USD	330.000

7.3. Hoạt động Marketing**a. Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu**

Trong xu thế hội nhập phát triển, tính cạnh tranh ngày càng quyết liệt với càng ngày càng nhiều công ty trong và ngoài nước có tiềm lực kinh tế mạnh, kỹ thuật sản xuất hiện đại, công nghệ quản lý tiên tiến, thì các chính sách marketing nhằm tạo dựng thương hiệu là hết sức quan trọng.

Thương hiệu “SAMETEL” của Công ty đã được khách hàng chấp nhận, được đánh giá cao. Việc quảng bá thương hiệu được thực hiện qua giao tiếp ở các kỳ hội chợ triển lãm trong nước, qua các catalogue, truyền hình địa phương... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua thông tin của các ban ngành, mạng Internet và sự giới thiệu của các bạn hàng.

b. Chính sách giá

Ngoài việc đảm bảo chất lượng sản phẩm thì chính sách giá cả cũng phải hợp lý. Hơn nữa, giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất và quản lý không chỉ giúp Công ty quản lý tốt chất lượng sản phẩm mà còn giúp Công ty quản lý và tiết kiệm được các khoản chi phí; từ đó, giúp giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Do ảnh hưởng chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành và giá thường xuyên biến động, chiến lược chào giá bán hàng cũng thay đổi theo từng thời kỳ, từng khách hàng và từng thị trường. Để thực hiện việc kinh doanh sản phẩm có hiệu quả, Công ty đã chủ động phân đầu giảm giá thành bằng biện pháp tăng năng xuất sản xuất để tiết kiệm các chi phí cố định, tăng tính cạnh tranh, giữ chữ “tín” trong kinh doanh, bảo đảm giữ được khách hàng, mở rộng thị trường và kinh doanh có hiệu quả.

Đối với các khách hàng là các đại lý và nhà phân phối lớn, Công ty luôn có những chính sách giá linh hoạt nhằm hỗ trợ và khuyến khích khả năng bán hàng của họ thông qua các chính sách như hỗ

trợ chi phí vận chuyển, hoa hồng, chiết khấu, trợ giá, ưu đãi vốn,... nhằm tạo điều kiện cho họ kinh doanh đồng thời góp phần tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

c. **Đẩy mạnh bán hàng**

Vấn đề xúc tiến thương mại đối với Công ty luôn được xác định là công việc thường xuyên. Việc đẩy mạnh bán hàng qua nhiều hình thức: thực hiện qua website, điện thoại hoặc bán hàng trực tiếp. Công ty luôn cố gắng đầu tư để nâng cao trình độ công nghệ thông tin liên lạc phục vụ cho công tác tìm kiếm khách hàng và xúc tiến thương mại. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác gặp gỡ giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới để mở ra các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình. Đối với việc tìm kiếm thị trường mới, Công ty thường xuyên cử các cán bộ đi tiếp thị ở các địa phương nhằm tạo cơ hội để các đối tác tiếp cận được với sản phẩm của Công ty.

7.4. **Nhãn hiệu thương mại**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**

- Logo : 

Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với sản phẩm Viễn thông và của Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng khu vực 3 đối với các sản phẩm Điện lực và khác.

7.5. **Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

TT	Tên đối tác	Thời điểm ký HĐ	Số HĐ	Sản phẩm/ Nội dung HĐ	Giá trị HĐ		Tình trạng
					VNĐ	USD	
1	Tổng Công ty ĐL TP.HCM – Công ty ĐL Phú Thọ	5/10/2015	2189/2015-PCPT-SAMCUONG	Tủ điện lực	2.359.901.896		Đang thực hiện
2	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	19/10/2015	1910MB-FTTH1-FTEL-SAMETEL-	Dây thuê bao quang	11.642.400.000		Đang thực hiện
3	TT Dịch vụ viễn thông SPT (STS)	11/11/2015	246/2015/HĐKT	Cáp quang	2.587.948.000		Đang thực hiện
4	Công ty ĐL Kiên Giang	04/01/2016	KG1516001	Tủ điện lực	4.430.805.500		Đang thực hiện
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phát	05/01/2016	001/2016/HĐKT/	Cáp quang	1.839.662.000		Đang thực hiện

TT	Tên đối tác	Thời điểm ký HĐ	Số HĐ	Sản phẩm/ Nội dung HĐ	Giá trị HĐ		Tình trạng
					VNĐ	USD	
			SAMETEL-TPTECO				
6	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại EE	10/01/2016	014/2016/HĐKT	Tủ điện lực	2.192.751.000		Đang thực hiện
7	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	12/01/2016	1201MN/TĐQ /FTEL/ SAMETEL/ 2016	Dây thuê bao quang	3.542.000.000		Đang thực hiện
8	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	18/02/2016	1802MB-FTTH1-FTEL-SAMETEL-2016	Dây thuê bao quang	4.158.000.000		Đang thực hiện
9	Viettel Cambodia	26/02/2016	08/VTC-SAMCUONG/2016	Cáp quang		77.190	Đang thực hiện
10	Trung tâm cung ứng vật tư – VNPT HCM	29/02/2016	046-16/ CUVT-SAMETEL/ĐT-TX	Cáp quang	7.081.250.000		Đang thực hiện
11	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phát	01/03/2016	024/2016/HĐNT	Cáp quang	84.240.492.415		Đang thực hiện
12	Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	01/03/2016	024/2016/HĐNT/SMT-POTMASCO	Dây thuê bao quang	27.720.000.000		Đang thực hiện
13	Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông quân đội	24/03/2016	001-ĐT/ TLC-SAMCUONG/2016	Dây thuê bao đồng	9.409.840.000		Đang thực hiện
Tổng cộng					161.205.050.811	77.190	

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm 2015/2014	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng giá trị tài sản	đồng	115.253.482.244	146.031.542.738	+ 26,70%	195.256.520.758
Doanh thu thuần	đồng	203.719.763.972	284.613.380.960	+ 39,71%	147.422.764.563
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	11.810.628.359	16.541.606.702	+ 40,06%	7.533.152.570
Lợi nhuận khác	đồng	96.446.856	(547.369.532)	-	5.559.891
Lợi nhuận trước thuế	đồng	11.907.075.215	15.994.237.170	+ 34,33%	7.538.712.461
Lợi nhuận sau thuế	đồng	10.959.825.151	14.341.434.295	+ 30,85%	7.057.528.476
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	43,81%	46,87%	+ 6,98%	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2014, 2015 và BCTC bán niên soát xét 2016)

Các chỉ tiêu so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	TH 2015/ TH 2014	TH 2015/ KH 2015
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	203.720	284.613	240.000	139,71%	118,59%
Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	11.907	15.994	14.600	134,32%	109,55%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	10.960	14.341	13.500	130,85%	106,23%

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã kiểm toán và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015)

Năm 2015, mặc dù nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn nhưng với kết quả đạt được trong năm đã cho thấy sự nỗ lực của Người lao động, Ban điều hành và Hội đồng quản trị. Tổng giá trị tài sản năm 2015 đạt 146 tỷ đồng, tăng 26,7% so với năm 2014. Doanh thu thuần năm 2015 đạt 284,6 tỷ đồng vượt 18,6% kế hoạch và tăng 39,71% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu thuần có xu hướng tăng qua các năm (năm 2011 tăng 21,97%, năm 2012 tăng 31,58% và năm 2013 tăng 87,87%, năm 2014 tăng 36,73%, năm 2015 tăng 39,71%) khẳng định sản phẩm của SMT đảm bảo về chất lượng và đã được khách hàng tin nhiệm sử dụng, thể hiện hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả. Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt xấp xỉ 16 tỷ đồng vượt 9,55% kế hoạch và tăng 34,32% cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế 2015 đạt 14,34 tỷ đồng vượt 6,23% kế hoạch và tăng 30,85% cùng kỳ năm trước.

8.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015**a. Những thuận lợi****❖ Chủ quan**

- Công ty đã duy trì và phát triển khá ổn định các khách hàng lớn trong ngành Viễn thông và Điện lực, đồng thời đã hình thành được thị trường xuất khẩu. Ngoài sản phẩm cho ngành Viễn thông thì đối với sản phẩm tủ điện lực, thị trường tiêu thụ đã mở rộng ra cả khu vực miền Nam, miền Trung và đã hướng ra miền Bắc thông qua đơn vị xây lắp, danh mục sản phẩm ngày càng đa dạng hơn. Phương hướng trong giai đoạn tới là mở rộng kinh doanh các thiết bị điện.
- Xây dựng và duy trì được một lực lượng nhân sự quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh chuyên nghiệp, không ngừng được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và gắn bó với Công ty. Đội ngũ kỹ thuật, công nghệ đã được bổ sung một số nhân sự có năng lực, đảm bảo ổn định sản xuất, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Không ngừng nâng cao chất lượng và năng suất sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Những sản phẩm với thương hiệu của Sam Cường ngày càng được nhiều khách hàng biết đến và tin dùng.

❖ Khách quan

- Tình hình kinh tế xã hội đã có xu hướng ổn định và phát triển tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh đặc biệt lãi suất ngân hàng giảm.

b. Những hạn chế và khó khăn:**❖ Chủ quan**

- Một số chính sách và quy chế quy định của Công ty vẫn chưa hoàn chỉnh, bất cập nhất là các quy chế liên quan đến người lao động như Lương, thưởng, đánh giá... nên vẫn chưa tạo được động lực tốt cho người lao động.
- Nguồn vốn của Công ty hạn hẹp trong điều kiện phát triển nâng cao năng lực SXKD, vấn đề khó khăn nhất là việc phục vụ các đơn hàng lớn và tăng chi phí vốn. Do vốn yếu nên việc đầu tư vào các thiết bị sản xuất, mở rộng mặt bằng sản xuất để đáp ứng các đơn hàng của khách hàng còn chậm trễ.
- Việc quản lý sản xuất vẫn chưa đạt yêu cầu dẫn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm vẫn còn cao.

❖ Khách quan

- Tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là đối với sản phẩm dây thuê bao quang, ngoài việc giá giảm mạnh thì khách hàng chuyển từ dùng sản phẩm thuê bao ống lồng sang bọc trực tiếp cũng làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu do giá sản phẩm bọc trực tiếp chỉ bằng 70% so với sản phẩm ống lồng. Ngoài ra cơ cấu sản phẩm chuyển từ 4 sợi xuống 1 và 2 sợi cũng làm giảm giá bán.
- Giá vật tư đầu vào tiếp tục tăng do tỷ giá tăng làm cho giá thành tăng theo, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh.
- Chi phí duy trì nguồn nhân lực tăng.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**a. Vị thế của Công ty trong ngành**

Mặc dù Công ty chỉ mới thành lập được 10 năm, nhưng được sự hỗ trợ của các khách hàng cũng như cổ đông lớn, cùng với sự định hướng sát sao của HĐQT, sự nhạy bén của Ban giám đốc và sự nỗ lực công tác của người lao động trong Công ty nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty rất khả quan. Đến nay Công ty đã tiếp tục khẳng định được vị trí của mình đối với thị trường ngành Viễn thông và Điện lực; thông qua các sản phẩm đạt chất lượng nhất là các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite.

Với việc đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại, được vận hành bởi đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên, nhân viên vận hành tay nghề cao, Công ty đã cho ra những sản phẩm có chất lượng cao và có uy tín nhất trên thị trường hiện nay và đã khẳng định được chỗ đứng vững chắc trên thị trường về việc cung cấp các sản phẩm dây cáp phục vụ cho ngành điện và viễn thông.

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập trên cơ sở cổ phần Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (Sacom), do đó được thừa hưởng kinh nghiệm và mạng lưới khách hàng cũng như nhà cung cấp uy tín. Đến nay, Công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có tính chuyên nghiệp cao và có được lượng khách hàng đông đảo. Công ty có được sự cung cấp nguyên vật liệu ổn định và về số lượng, chất lượng và chủng loại từ các nhà cung cấp lớn trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, Công ty hoạt động có uy tín nên sẵn sàng nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ về tín dụng của các ngân hàng thương mại.

❖ Thế mạnh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

- Công ty được thừa hưởng kinh nghiệm và mạng lưới khách hàng cũng như nhà cung cấp uy tín, đồng thời tạo được một thương hiệu tốt trong lĩnh vực sản xuất các vật liệu phục vụ cho ngành Viễn thông và Điện lực.
- Đội ngũ CBCNV của Công ty đã tiến bộ, trưởng thành và ổn định.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, mô hình quản lý hoạt động ổn định và hiệu quả.
- Tiềm năng đầu tư xây dựng hạ tầng tại Việt Nam còn rất lớn tạo cơ hội cho Công ty tham gia cung cấp sản phẩm cho các công trình xây dựng dân dụng điện lực và viễn thông.

b. Triển vọng phát triển của ngành**❖ Thị trường viễn thông**

Phương hướng phát triển thông tin liên lạc của Việt Nam là đẩy nhanh tốc độ phát triển bưu chính viễn thông trên cơ sở công nghệ hiện đại: số hóa, cáp quang hóa, tự động hóa, tin học hóa, bằng kỹ số quang học với những công nghệ tiên tiến để có những dung lượng lớn, tốc độ cao. Xuất phát từ định hướng của Bộ Bưu chính – Viễn thông, nhu cầu sử dụng cáp thông tin hàng năm hiện nay khá lớn nhất là cáp thuê bao quang. Bên cạnh đó, tại một số khu vực, mạng cáp đang xuống cấp nghiêm trọng, chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp và đặt cáp mới.

Theo “Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020” do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đến năm 2020, với công nghệ thông tin và truyền thông làm nòng cốt, Việt Nam sẽ chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế - xã hội trở thành một nước có trình độ tiên tiến về phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Cơ sở hạ tầng viễn thông và Internet sử dụng công nghệ hiện đại, phát triển nhanh, đa dạng hóa, cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ chất lượng cao với giá cước thấp hơn hoặc tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực...

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Đối với triển vọng phát triển của ngành, định hướng của SMT là lấy sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm chất lượng cao làm trọng tâm, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam cũng như ngành điện Việt Nam trong thời kỳ tới. Bên cạnh đó, với chính sách của Nhà nước là phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam sẽ trở thành một nước công nghiệp, để hoàn thành mục tiêu này thì chính sách về phát triển năng lượng quốc gia và hạ tầng Viễn thông phải được ưu tiên hàng đầu. Đây cũng là xu hướng chung của các nước đang phát triển khác trên thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Cơ cấu lao động theo trình độ (cập nhật đến ngày 31/12/2015) được thể hiện ở bảng sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	178	100,00
1	Trình độ trên đại học	1	0,56
2	Trình độ đại học	55	30,89
3	Trình độ cao đẳng	35	19,66
4	Khác	87	48,89
II	Theo loại hợp đồng lao động	178	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	100	56,18
2	Hợp đồng có thời hạn	78	43,82
III	Theo giới tính	178	100,00
1	Nam	147	82,58
2	Nữ	31	17,42

(Đến ngày 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/ 2014	Quý II/2016
Tổng số lượng lao động	người	131	178	135,88%	186
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	11.990.634	11.637.628	97,06%	9.288.177

b. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

❖ Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương, thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn.

Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng người lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

❖ Chính sách đào tạo

Công ty xác định yếu tố “con người” quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Trên quan điểm này, mặc dù là một đơn vị sản xuất nhưng Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao tay nghề, nhận thức được trách nhiệm và quyền lợi của mình từ trong việc làm cụ thể, từ đó tránh được những sai sót, tăng hiệu quả cho doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng đào tạo cho người lao động về nếp sống văn hóa, xây dựng thói

quen về ý thức bảo vệ môi trường, tác phong làm việc trong sản xuất công nghiệp... Đối với nhân viên mới, sau khi tuyển dụng các kỹ sư, công nhân viên đều được đào tạo các yêu cầu, mục tiêu, những qui định trong thực tế sản xuất, kinh doanh và tác nghiệp.

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như phổ biến nội quy, quy định của Công ty, các quy định của pháp luật đối với quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động. Việc đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, kiểm tra giám sát việc thực hiện đúng các quy trình, quy phạm trong sản xuất trở thành hoạt động thường xuyên trong hoạt động hàng ngày từ đội ngũ quản lý kỹ thuật đến người công nhân. Công ty xem đây là một trong những nội dung thi đua hàng tháng có chi phối đến quyền lợi của từng người.

Hàng năm, việc xét nâng bậc lương cho người lao động được thực hiện trên cơ sở kiểm tra sát hạch sự hiểu biết công việc và thành thạo tay nghề của người lao động. Công ty tổ chức các lớp đào tạo, phân công cán bộ kỹ thuật hướng dẫn lý thuyết và tay nghề cho công nhân, gọi cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và công nhân đi dự các khóa học chuyên ngành về các máy móc thiết bị đặc thù, chuyên môn...

❖ Chính sách tiền lương

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Muốn giữ được người lao động giỏi nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao thì Công ty cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phù hợp. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng *Quy chế tiền lương, thưởng* được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Tiền lương đang áp dụng theo 2 hình thức trả lương:

- Đối với khối gián tiếp, phục vụ trả lương theo định mức do Hội đồng lương xây dựng và trình Giám đốc quyết định.
- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất trả lương theo kết quả khối lượng công việc được giao.

Đồng thời, nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp tăng năng suất, chất lượng hoàn thành công việc, Công ty thường xuyên tổ chức phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo và sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm đạt được mục tiêu "*Năng suất, chất lượng, giảm chi phí hạ giá thành và hiệu quả*". Hàng năm, tổ chức tổng kết phong trào thi đua và khen thưởng như thưởng sáng kiến, thưởng các danh hiệu *Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp ngành, cấp bộ*....

❖ Chính sách thưởng

Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm qua các hình thức: tặng bằng khen, giấy khen, quà thưởng... để động viên phong trào lao động sản xuất tại Công ty.

❖ Chính sách trợ cấp

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật lao động, ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận.

❖ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Bên cạnh, việc bảo đảm các chính sách theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty tổ chức và đài thọ chi phí cho CBCNV Công ty đi tham quan, du lịch, nghỉ mát ít nhất 1 lần/năm nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể gắn bó mọi người lại với nhau. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan nghỉ dưỡng học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức và sự hiểu biết.

Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hi...

Công ty quan tâm đến môi trường làm việc và cảnh quan môi trường ở cơ quan, cơ sở sản xuất. Điều kiện nơi làm việc tại phân xưởng được nâng cấp hàng năm, xung quanh nhà xưởng nhà làm việc đều có cây xanh, cây cảnh để tạo sự gắn kết của cán bộ công nhân viên đến Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sau khi phân bổ cho các quỹ (quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển...), sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông trong các năm như sau:

Tình hình thực hiện phân phối cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	%	12	15
Mệnh giá	đồng	10.000	10.000
Hình thức chi trả		Cổ phiếu	Tiền mặt
Thực hiện chi trả		Đã thực hiện chi trả	Chưa thực hiện chi trả

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

❖ Báo cáo vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty qua các năm

DVT: đồng

STT	Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Vốn điều lệ
1	GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4703000342	20/10/2006	25.000.000.000
2	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 1 số: 3600850734	12/05/2011	27.657.870.000
3	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 2 số: 3600850734	31/10/2011	27.657.870.000
4	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 3 số: 3600850734	14/12/2011	29.317.240.000
5	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 4 số: 3600850734	23/07/2012	29.317.240.000
6	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 5 số: 3600850734	13/08/2013	30.781.530.000
7	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 6 số: 3600850734	04/02/2015	40.015.980.000
8	GCN ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 7 số: 3600850734	14/07/2015	44.815.020.000

(Nguồn: CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường)

Từ khi thành lập đến nay, SMT đã trải qua năm lần thay đổi vốn điều lệ. Thông tin các đợt tăng vốn đã nêu tại mục 6 phần IV của Bản cáo bạch.

❖ Báo cáo tình hình vốn kinh doanh

Vốn kinh doanh qua các năm

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.781.530.000	44.815.020.000	44.815.020.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	3.740.564.835	4.836.546.835	6.260.690.835
3	LNST chưa phân phối	12.125.370.801	17.307.957.496	18.859.987.972
Tổng cộng		46.647.465.636	66.959.524.331	69.935.698.807

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, BCTC bán niên soát xét 2016)

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư

phát triển và lợi nhuận chưa phân phối.

b. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty trích khấu hao Tài sản cố định theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

❖ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	:	05 – 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	:	02 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải	:	02 – 08 năm
+ Thiết bị văn phòng	:	02 – 05 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

❖ Tài sản vô hình

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

c. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2015 là 11,6 triệu đồng/người.

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	11.990.634	11.637.628	9.288.177

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty đóng theo đúng quy định của pháp luật. Công ty thực hiện việc trích – nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, v.v... đầy đủ theo luật định.

DVT: đồng

Các khoản phải nộp	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Thuế GTGT	-	480.069.635	-
Thuế Nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	323.545.252	214.442.280	251.506.247
Thuế thu nhập cá nhân	111.076.070	30.973.156	31.849.672
Tổng cộng	434.621.322	725.485.071	283.355.919

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, BCTC bán niên soát xét 2016)***f. Trích lập các quỹ theo luật định**

Số dư các Quỹ qua các năm:

DVT: đồng

Các quỹ	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Quỹ đầu tư phát triển	3.740.564.835	4.836.546.835	6.260.690.835
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.465.107.950	1.448.148.366	2.591.476.782
Tổng cộng	5.205.672.785	6.284.695.201	8.852.167.617

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, BCTC bán niên soát xét 2016)

Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi... theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

g. Tổng dư nợ vay

		<i>DVT: đồng</i>		
Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016	
I	Vay và nợ ngắn hạn	28.596.461.234	33.254.453.547	57.483.927.755
1	Vay ngắn hạn			
	<i>Vay Ngân hàng Ngoại thương – CN Bến Thành (*)</i>	<i>26.712.174.984</i>	<i>33.254.453.547</i>	<i>57.483.927.755</i>
	<i>Vay Ngân hàng Tiên Phong – CN TP.HCM</i>	<i>1.884.286.250</i>	-	-
II	Vay và nợ dài hạn			
1	Vay dài hạn (**)	1.864.429.658	2.211.243.574	1.866.942.122
	<i>Vay Ngân hàng Tiên Phong – CN TP.HCM</i>	<i>1.864.429.658</i>	<i>2.211.243.574</i>	<i>1.866.942.122</i>
Tổng cộng		30.460.890.892	35.465.697.121	59.350.869.877

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, BCTC bán niên soát xét 2016)

(*) *Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Bến Thành để bổ sung vốn lưu động.*

(**) *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – PGD Nguyễn Oanh để đầu tư tài sản cố định.*

Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay theo như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, đến thời điểm hiện nay Công ty không có các khoản vay nào thuộc diện quá hạn.

h. Tình hình công nợ hiện nay
❖ Các khoản phải thu

		<i>DVT: đồng</i>		
STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	48.066.673.088	72.588.217.472	85.230.362.136
1	Phải thu khách hàng	48.960.421.423	73.265.108.396	80.263.730.932
2	Trả trước cho người bán	56.288.760	1.128.711.960	3.299.950.090
3	Các khoản phải thu khác	1.394.108.578	1.274.852.412	2.121.287.310
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.344.145.673)	(3.080.455.296)	(454.606.196)
II	Các khoản phải thu dài hạn	111.082.967	118.200.681	107.387.009
Tổng cộng		48.177.756.055	72.706.418.153	85.337.749.145

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, BCTC bán niên soát xét 2016)

Phải thu khách hàng là khoản phải thu phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Danh sách một số khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 30/06/2016*ĐVT: đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ phải thu đến 30/06/2016
1	Công ty Cổ phần hạ tầng viễn thông CMC	2.125.885.500
2	Chi nhánh Bình Định - Công ty CP Viễn Thông FPT	47.740.000
3	Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	21.483.000
4	Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	28.644.000
5	Công ty Cổ Phần Viễn thông FPT	9.066.123.000
6	Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	14.322.000
7	Công ty Cổ Phần Khoa Học VT Công Nghệ Cao	193.374.420
8	Công ty cổ phần Hoàng Thái	550.000
9	Công ty TNHH Thiết Bị Viễn Thông Xa Com	372.900.000
10	Viễn Thông Hà Tĩnh	622.600.000
11	Viễn Thông Quảng Bình	559.945.000
12	Viễn Thông Thái Nguyên	3.307.567.780
13	Tổng Công ty Viễn thông Viettel CN Tập đoàn Viễn thông Quân đội	7.527.872.000
14	Tổng Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế Viettel	1.783.320.000
15	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Bưu Điện	47.616.500
16	Chi nhánh Tổng công ty điện lực TP.HCM TNHH - Công ty điện I	2.359.901.896
17	Công ty Cổ Phần Điện Lực Khánh Hòa	717.669.800
18	Công ty Điện Lực Sóc Trăng	773.850.000
19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	358.763.900
20	Trung tâm dịch vụ Viễn Thông SPT (STS)	2.790.876.200
21	CN Công ty cổ phần Dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn tại Đà Nẵng	14.978.000
22	Công ty cổ phần An Ánh Hùng	7.863.240
23	Công ty cổ phần Viễn Thông và Truyền Thông Á Châu	40.150.000
24	Công ty TNHH Thương mại và Kỹ Thuật Bách Đạt	163.372.000
25	Công ty TNHH Dương Ánh	140.140.000
26	Công ty cổ Phần Kỹ Thuật Thương Mại E.E	2.772.132.000
27	Công ty TNHH Thương mại Gia Phát Đạt	159.044.600
28	Công ty TNHH MTV Thương mại Viễn Thông Hoa Thảo	121.605.000
29	Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình	15.353.935
30	Công ty TNHH XD SX&TM Hưng Thịnh	25.036.000
31	Công ty TNHH Thương mại sản xuất xây dựng Hữu Thủy	1.246.657.500
32	Công ty TNHH TM DV Đầu Tư Lotus	178.049.776
33	Công ty TNHH Minh Tuệ	1.155.000.000

34	Công ty cổ phần Đầu tư Nhật Khánh	129.080.600
35	Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Thịnh Nam Khang	3.744.087.050
36	Công ty TNHH Công nghệ mạng Thành Công	153.237.700
37	Công ty cổ phần Xây Dựng Thuận Hưng	15.013.828
38	Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trần Lê	620.928.000
39	Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phát	2.729.574.287
40	Công ty TNHH & DV Thiên Thanh	58.146.000
41	Công ty cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh	5.595.925.500
42	Công ty cổ Phần Viễn Liên	14.602.500
43	Công ty cổ phần Vật tư Bưu điện	543.400.000
44	Công ty TNHH Thương mại Viễn thông	69.872.000
45	Công ty cổ Phần Xây Lắp Bưu Điện Miền Trung	297.220.000
46	Viễn Thông An Giang	1.251.118.000
47	Viễn Thông Bình Định - Tập Đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	3.668.775.000
48	Viễn Thông Bình Phước	1.874.400.000
49	Viễn Thông Đồng Nai - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	3.069.000.000
50	Viễn Thông Gia Lai - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.001.880.000
51	Trung tâm Cung ứng vật tư - Viễn thông TP.Hồ Chí Minh	9.028.800.000
52	Viễn Thông Lâm Đồng	41.140.000
53	Viễn Thông Quảng Ngãi - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	1.854.127.000
54	Viễn Thông Tiền Giang	957.771.100
55	Viễn Thông Trà Vinh	935.055.000
56	Viễn Thông Bà Rịa Vũng Tàu	11.838.000
57	Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom	3.225.112.000
58	Các đơn vị khác	613.240.320
Tổng cộng		80.263.730.932

❖ Các khoản phải trả

		<i>ĐVT: đồng</i>		
STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I.	Nợ ngắn hạn	66.684.027.126	76.860.774.833	123.453.879.829
1	Vay và nợ ngắn hạn	28.596.461.234	33.254.453.547	57.483.927.755
2	Phải trả cho người bán	23.158.682.334	31.344.814.186	49.729.711.523
3	Người mua trả trước tiền	3.772.574.372	558.491.570	7.311.835.370
4	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	434.621.322	725.485.071	283.355.919
5	Phải trả cho người lao động	5.394.448.718	6.281.246.410	3.404.992.541
6	Chi phí phải trả	32.864.563	32.553.068	-

7	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.829.266.633	3.161.351.606	2.619.685.829
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	54.231.009	28.894.110
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.465.107.950	1.448.148.366	2.591.476.782
II.	Nợ dài hạn	1.921.989.482	2.211.243.574	1.866.942.122
1	Vay và nợ dài hạn	1.864.429.658	2.211.243.574	1.866.942.122
2	Dự phòng phải trả dài hạn	57.559.824	-	-
	Tổng cộng	68.606.016.608	79.072.018.407	125.320.821.951

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015, BCTC bán niên soát xét 2016)

Danh sách một số khoản phải trả cho người bán tại thời điểm 30/06/2016

ĐVT: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư nợ phải trả đến 30/06/2016
1	Công ty TNHH Công Nghệ Hóa An Nguyên	111.465.200
2	Công ty TNHH Kỹ Thuật Benta	367.791.600
3	Công ty cổ phần Công nghệ mạng viễn thông C-link	83.172.100
4	Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đại Anh	53.781.750
5	Công ty cổ phần Cáp và Thiết bị viễn thông	21.420.682
6	Công ty TNHH Hóa Chất Long Long	4.218.509.056
7	Công ty TNHH My Lan	253.220.000
8	Công ty cổ Phần TECIN	271.040.000
9	Công ty cổ Phần Thành An	2.671.312.435
10	Công ty TNHH MTV An An Phát	57.428.250
11	Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại An Phú Khang	18.248.340
12	DNTN Anh Hòa	384.877.900
13	Công ty cổ Phần Bao Bì Biên Hòa	95.546.880
14	Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Bách Hải	1.320.000
15	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	18.700.000
16	Công ty cổ phần Châu Âu Vina	4.059.000.000
17	Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Chấn Việt	3.026.593.900
18	Công ty TNHH Đăng Minh Khôi	196.992.925
19	Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	67.540.000
20	Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	370.942.968
21	Công ty TNHH HYOSUNG Việt Nam	1.836.407.760
22	Công ty TNHH SX - TM & DV Huỳnh Đức	68.571.305
23	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hoàng Nguyên	58.025.000
24	Công ty TNHH TM - DV Hiệp Phan	207.933.000
25	Chi nhánh Công ty cổ phần Khí cụ điện I	15.543.000
26	Công ty TNHH TM SX Thép không rỉ Kim Phát	347.113.109

27	Công ty TNHH Vận Tải Khánh Tường	65.615.000
28	CH Trung Bày & TT Sản Phẩm LIDOVIT	49.900.400
29	Công ty TNHH MTV Thương Mại Long Ký	3.630.000
30	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Long Hoàng	20.900.000
31	Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Sơn	86.369.821
32	Công ty TNHH Kỹ Thuật MEKONG	146.459.060
33	Công ty TNHH Văn phòng phẩm Minh Chánh	26.813.490
34	Công ty cổ phần Tập Đoàn Mai Linh	60.149.450
35	Công ty TNHH TMDV Vận tải Minh Phước	80.515.050
36	Công ty cổ phần Dây & Cáp Điện Minh Tâm	5.123.800.000
37	Cửa hàng Mẫn Thông	2.400.000
38	Công ty TNHH Một Thành Viên Nam Đức Anh	131.331.640
39	Công ty cổ phần Ngô Han	3.280.200
40	Công ty TNHH TM DV Công Nghệ Nam Khang	57.398.115
41	Công ty TNHH Cơ khí khuôn mẫu Nhật Minh	13.200.000
42	Công Ty TNHH Điện Nam Việt	330.000
43	Công ty TNHH Giao nhận vận tải và TM Truyền thông Phương Anh	208.736.000
44	Công ty TNHH Một Thành Viên Quân Hải Linh	648.236.160
45	Công ty TNHH Công Nghệ Quang Lâm	844.800
46	DNTN Sinh Lợi Phát	56.303.500
47	Công ty TNHH Kỹ thuật điện SX và TM Tân Đức Hàn	40.250.000
48	Công ty TNHH Cơ khí Tân Hợp Nhất	120.230.000
49	Tâm Cường	49.344.750
50	Công ty TNHH MTV Mô Tô Taxi Trần Hồ	125.510.000
51	Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Thủy Hùng	91.913.008
52	Công ty Cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh	536.085.000
53	Sumitomo Electric (Thailand) Ltd.	19.149.992.265
54	Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom	1.713.628.400
55	Các đơn vị khác	2.234.048.254
Tổng cộng		49.729.711.523

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,45	1,60
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	1,15
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	59,53%	54,15%

- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	147,07%	118,09%
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,22	5,69
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,97	2,18
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,38%	5,04%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	24,72%	25,25%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10,58%	10,98%
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	5,80%	5,81%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	2.164	3.283

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015)

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng**

	Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
I	Hội đồng quản trị			
1	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1952	020472395
2	Bà Hồ Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	1959	023147576
3	Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1964	271837058
4	Ông Trần Anh Vương	Thành viên HĐQT	1972	012207076
5	Ông Hoàng Trí Cường	Thành viên HĐQT	1976	013001632
II	Ban kiểm soát			
1	Ông Hà Hoàng Thế Quang	Trưởng ban	1980	025239470
2	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	1958	024178386
3	Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	1970	024423553
III	Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1964	271837058
2	Ông Bùi Vũ Văn Hòa	Phó Tổng giám đốc	1959	022722329
3	Ông Phạm Cử	Phó Tổng giám đốc	1962	271478272
IV	Kế toán trưởng			
1	Ông Trần Văn Dương	Kế toán Trưởng	1974	036074001099

13.2. Tóm tắt sơ yếu lý lịch**Hội đồng quản trị****a. Ông Phạm Ngọc Tuấn – Chủ tịch HĐQT**

- Số CMND : 020472395 ngày cấp 25/03/2013 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 13/11/1952
- Nơi sinh : Biên Hòa, Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Biên Hòa, Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú : 125D Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
 - + Từ 2005 - T7/2009 : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT).
 - + Từ 2010 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch Viện phát triển Quản trị & Công Nghệ mới (IMT)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 128.425 cổ phần (chiếm 2,86%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : (Bà) Phạm Ngọc Thúy Anh (con gái), nắm giữ : 25.116 CP, chiếm 0,56% cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b. Bà Hồ Thị Thu Hương – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số CMND : 023147576 ngày cấp 19/01/2012 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nữ

- Ngày sinh : 01/11/1959
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phước Tích, Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 135/37/55 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : KS kinh tế Bưu điện
- Quá trình công tác
 - + Từ 1979 - 1981 : Giáo viên Trường công nhân Bưu điện 2 Đà Nẵng
 - + Từ 1981 – 1986 : Học đại học tại Học Viện Bưu chính viễn thông TP.HCM
 - + Từ 1986 - 1989 : Nhân viên kế hoạch tổng hợp Nhà máy vật liệu Bưu điện, tiền thân Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển SACOM
 - + Từ 1989 - 1993 : Phó Quản đốc phân xưởng phụ trợ Nhà máy vật liệu Bưu điện, tiền thân Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển SACOM
 - + Từ 1993 - 1998 : Kế hoạch tổng hợp - Phó phòng kế hoạch kinh doanh, tiền thân Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển SACOM
 - + Từ 1998 – 2005 : Trưởng phòng KHKDĐT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển SACOM
 - + Từ 2005 – 2014 : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển SACOM
 - + Từ 2006 – 2011 : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp Sài Gòn và Công ty cổ phần Bao bì Sam Thịnh
 - + Từ 2006 – 2010 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường
 - + Từ 2011 – 2015 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bất động sản Samland
 - + Từ 2010 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 37.339 cổ phần (chiếm 0,83%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

c. Ông Nguyễn Thiện Cảnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số CMND : 271837058 ngày cấp: 13/8/2003 Nơi cấp: Đồng Nai
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/01/1964
- Nơi sinh : Mỹ Hào - Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : 80 Lê Thánh Tôn, Phường Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Kinh tế
- Quá trình công tác
 - + Từ 1985 - 1992 : Ủy ban Vật giá Đồng Nai
 - + Từ 1992 - 1993 : Xí nghiệp chế biến gỗ - Công ty Tín Nghĩa Đồng Nai
 - + Từ 1993 - T10/2006 : Công ty Cổ phần SACOM
 - + Từ 11/2006 – nay : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 250.308 cổ phần (chiếm 5,59%).
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.

- + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : Ông Nguyễn Thiện Trường (Anh trai) nắm 3.660 cổ phần (chiếm 0,75%).
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

d. Ông Trần Anh Vương – Thành viên HĐQT

- Số CMND : 012207076 ngày cấp: 8/2/2007 Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/06/1972
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 44, Nguyễn Viêt Xuân, P.Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác
 - + Từ 1993 - 1994 : Nhân viên Kinh doanh Công ty Giày may 32 – Bộ Quốc Phòng
 - + Từ 1995 – 1997 : Nhân viên Kinh doanh – Xuất nhập khẩu Công ty TNHH Thái Bình
 - + Từ 1998 – 9/1999 : Nhân viên Kinh doanh – Xuất nhập khẩu Công ty Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ngân hàng
 - + Từ 11/1999 – 01/2000 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Duy Phương
 - + Từ 03/2000 – 06/2008 : Giám đốc Công ty TNHH Thép Bắc Việt
 - + Từ 7/2008 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Thép Bắc Việt; TGD Công ty TNHH Capella Group, TGD Công ty cổ phần Capella Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội doanh nghiệp trẻ Hà Nội
 - + Từ 1/4/2016 – 1/5/2016 : Phó Giám đốc thường trực Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM
 - + Từ 1/5/2016 – nay : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
 - + Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thép Bắc Việt – BVG

- + Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Capella Việt Nam
 - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Capella Group
 - + Phó Chủ tịch Hội doanh nghiệp trẻ Hà Nội
 - + Thành viên HĐQT Công ty XNK Tổng hợp I Việt Nam
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Công viên Đầm Sen
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 0 cổ phần (chiếm 0%).
 - + Số cổ phần đại diện CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM : 1.458.475 cổ phần (chiếm 32,54%)
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

e. Ông Hoàng Trí Cường – Thành viên HĐQT

- Số CMND : 013001632 cấp ngày 15/08/2013 nơi cấp: CA TP.Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/12/1976
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P1306 A1, 229 Phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính
- Quá trình công tác
 - + Từ 2006 – 2007 : Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán VPBank
 - + Từ 10/2007 – 9/2008 : Trưởng phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp
 - + Từ 10/2008 – 10/2010 : Giám đốc tư vấn tài chính Công ty cổ phần Chứng khoán phố Wall

- + Từ 10/2010 – 4/2014 : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quốc tế Nam Sơn
- + Từ 5/2014 – nay : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT - Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
 - + Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom
 - + Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 0 cổ phần (chiếm 0%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ban kiểm soát

f. Ông Hà Hoàng Thế Quang – Trưởng Ban kiểm soát

- Số CMND : 025239470 Ngày cấp: 6/1/2012 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 03/05/1980
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 16/34 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Kế hoạch & Đầu tư, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác
 - + Từ 2003 – 2007 : Chuyên viên Kế hoạch Đầu tư Nam Á Bank
 - + Từ 2007 - 2010 : Chuyên viên Đầu tư Công ty Chứng khoán Sacombank
 - + Từ 2010 - 2011 : Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa

- + Từ 2011 – 2014 : Phó Tổng Giám đốc Tài chính Tập đoàn Đại Phúc
- + Từ 2014 – 03/2016 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT Vietcapital Bank
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Sài Gòn Exim
- + Từ 4/2016 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SACOM
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SACOM
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 0 cổ phần (chiếm 0%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

g. Ông Nguyễn Xuân Thắng – Thành viên Ban kiểm soát

- Số CMND : 024178386 ngày cấp 24/10/2003 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/12/1958
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Tài Lương – Xã Triệu Tài – Huyện Triệu Hải – Tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : 170/27/9 Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản Trị Kinh doanh
- Quá trình công tác
 - + Từ 01/1977 – 08/1981 : Công tác tại Bưu điện Thừa Thiên Huế.
 - + Từ 09/1981 – 12/1982 : Được cử đi học văn hóa tại trường BT VH Tổng cục Bưu điện

- + Từ 1983 – 1987 : Được cử đi học tiếp Đại học tại trường Bưu điện TW nay là Học viện Công nghệ BCVT.
- + Từ 02/1988 – 01/1990 : Công tác tại Nhà máy Vật liệu Bưu điện 2
- + Từ 02/1990 – 08/2008 : Công tác tại nhà máy Cáp và Vật liệu viễn thông KCN Biên hòa, Đồng Nai (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM)
- + Từ 09/2008 – nay : Công tác tại Công ty cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường, Khu CN Long Thành – Đồng Nai
- Chức vụ công tác hiện nay : Trợ lý Tổng giám đốc, Phụ trách TTKD3, Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 8.170 cổ phần (chiếm 0,18%).
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

h. Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên Ban kiểm soát

- Số CMND : 024423553 ngày cấp: 20/9/2005 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/05/1970
- Nơi sinh : Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : 245/22 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác
 - + Từ T11/1993 - T12/1996 : Công tác tại Trung tâm tin học hoá quản lý INFOBUS

- + Từ 01/1997 - T06/1999 : Công tác tại Công ty LD cơ khí SOECON-MEVERFA
- + Từ T07/1999 – nay : Làm việc tại Công ty cổ phần SACOM qua các chức vụ kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán và nay là Kế toán trưởng.
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : + Kế toán trưởng Công ty cổ phần SACOM
+ Trưởng ban kiểm soát Công ty SamLand
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 859 cổ phần (chiếm 0,02%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ban Tổng giám đốc

i. Ông Nguyễn Thiện Cảnh - Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

(Lý lịch đã trình bày ở mục c)

j. Ông Bùi Vũ Văn Hòa - Phó Tổng giám đốc

- Số CMND : 022722329 ngày cấp 14/08/2003 Nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/11/1959
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 46/1/58 Vườn Chuối, Phường 4, Quận 3, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác
 - + Từ 1977 - 1982 : Đi bộ đội D8, E31, F309
 - + Từ 1983 - 1989 : Học trường Đại học Bách khoa Tp HCM

- + Từ 1990 – 1999 : Cán bộ KT của Công ty Vesco II, Siscom, trường Hoa Sen TpHCM
- + Từ 2000 - 2006 : XN Vật liệu Viễn thông - Công ty cổ phần SACOM
- + Từ 2006 - nay : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 67.561 cổ phần (chiếm 1,51%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

k. Ông Phạm Cử - Phó Tổng giám đốc

- Số CMND : 271478272 Ngày cấp 09/03/2010 Nơi cấp: CA. Đồng Nai
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/01/1962
- Nơi sinh : Hương Xuân – Hương Điền – Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 507, Cư xá 5 tầng, QL1, P.Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác
 - + Từ 1995 – 2011 : Công ty viễn thông VTC
 - + Từ 02/05/2011 – nay : Công ty cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 17.718 cổ phần (chiếm 0,40%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Kế toán Trưởng

I. Ông Trần Văn Dương - Kế toán Trưởng

- Số CMND : 36074001099 ngày cấp: 29/01/2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/04/1974
- Nơi sinh : Bạch Long, Giao Thủy, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạch Long, Giao Thủy, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 9/12 Phan Bội Châu, Phường 2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác
 - + Từ 04/1996 - 06/2007 : Bưu điện tỉnh Lâm Đồng
 - + Từ 07/2007 – nay : Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
 - + Số cổ phần bản thân nắm giữ : 25.783 cổ phần (chiếm 0,58%)
 - + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình, vô hình của Công ty theo Báo cáo tài chính tính đến thời điểm 30/06/2016 được thể hiện như sau:

<i>DVT: đồng</i>				
STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG
I.	Tài sản cố định hữu hình	40.099.555.025	17.501.164.421	43,64%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.158.574.487	3.594.962.497	44,06%
2	Máy móc thiết bị	27.414.670.496	11.602.645.959	42,32%
3	Phương tiện vận tải	4.409.652.042	2.303.555.965	52,24%
4	Công cụ, dụng cụ quản lý	116.658.000	-	-
II.	Tài sản cố định vô hình	5.636.455.564	4.409.851.152	78,24%
1	Quyền sử dụng đất	5.461.580.464	4.409.851.152	80,74%
2	Quyền phát hành	-	-	-
3	Bản quyền, bằng sáng chế	89.925.600	-	-
4	Khác	84.949.500	-	-
Cộng		45.736.010.589	21.911.015.573	121,88%

(Nguồn: BCTC bán niên soát xét 2016)

❖ Danh sách nhà cửa, vật kiến trúc (Tình hình đất đai)

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
1	KCN Long Thành, đường số 01, Xã Tam An, H.Long Thành, T.Đồng Nai, Việt Nam	12.709,6	Đất khu CN dùng để xây dựng Nhà kho, nhà xưởng và văn phòng làm việc.	Thuê lại của KCN Long Thành với thời hạn 47 năm. Công ty được cấp giấy CNQSD
2	Ấp 7, Xã Tam Phước, TP.Biên Hòa, Đồng Nai	420	Đất ở mua lại của dân dùng để xây nhà tập thể	Công ty được cấp giấy CNQSD

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	DVT	Thực hiện 2015	Năm 2016	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	284,6	320	+ 12,43%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,3	15,5	+ 8,39%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,04	4,84	- 3,97%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,72	22,19	- 10,23%

Cổ tức	%	15	12	- 20%
--------	---	----	----	-------

Mức cổ tức dự kiến năm 2016 là 12% (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25/03/2016 dựa trên mức vốn điều lệ tại thời điểm ra Nghị quyết).

+ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Để đưa ra chỉ tiêu kế hoạch như trên, Ban lãnh đạo đã nhận định về môi trường kinh doanh và đánh giá thời cơ, thách thức của Công ty trong năm 2016:

❖ Về môi trường

Tình hình kinh tế nói chung có những dấu hiệu ổn định:

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 được Quốc hội quyết định ở mức 6,7%, lãi suất ngân hàng ổn định và có chiều hướng giảm, lạm phát ở mức thấp khoảng 5%. Về lâu dài: theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12: tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 – 40%, nhu cầu đầu tư cho hạ tầng và chỉnh trang đô thị trong đó có liên quan rất nhiều đến các sản phẩm mà Công ty đang kinh doanh.
- Với tình hình chính trị ổn định, Việt Nam vẫn là điểm đến của các nhà đầu tư nước ngoài và đó sẽ là yếu tố kích thích nền kinh tế phát triển kéo theo sự đầu tư về mạng viễn thông và cơ sở hạ tầng ngành điện.
- Việt Nam gia nhập TPP và việc hình thành cộng đồng ASEAN vừa là thời cơ, vừa là thách thức.
- Về tâm lý xã hội: xu hướng tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ viễn thông với đường truyền chất lượng cao là cơ hội cho việc phát triển các sản phẩm của Công ty. Việc sử dụng sản phẩm an toàn chắc chắn, thẩm mỹ là cơ hội cho phát triển các sản phẩm composite trong lĩnh vực điện.
- Về công nghệ: sự ổn định về công nghệ truyền dẫn quang dẫn đến sự tăng trưởng về nhu cầu sử dụng là rất lớn do suất đầu tư/thuê bao giảm, đó cũng là yếu tố kích thích cho doanh thu cáp quang tiếp tục phát triển.

❖ Cơ hội

- Nhu cầu của thị trường về các sản phẩm do Công ty sản xuất là rất lớn trong đó 2 sản phẩm chính là tủ điện composite và dây thuê bao quang, là do:
 - + Nhu cầu quang hóa mạng viễn thông rất lớn.
 - + Phát triển mới hệ thống mạng lưới điện lực và nhu cầu hạ ngầm, thay thế luôn cao và ổn định.
- Lãi suất ngân hàng đã giảm và khả năng ổn định sẽ là cơ hội cho việc bổ sung vốn để mở rộng SXKD.

❖ Thách thức

- Sự thay đổi nhanh chóng của thị trường về sản phẩm dẫn đến sự lạc hậu về công nghệ và lãng phí trong đầu tư.
- Hội nhập sâu rộng tạo ra các đối thủ cạnh tranh mới và lớn, đặc biệt đến từ Trung Quốc với các sản phẩm quang.
- Sự lớn mạnh của các đối thủ trong nước.
- Sự cạnh tranh cao dẫn đến giá bán giảm mạnh.
- Nhu cầu của khách hàng sử dụng sản phẩm quang có sự thay đổi từ ống lồng sang bọc trực tiếp và từ nhiều sợi sang ít sợi sẽ làm ảnh hưởng đến doanh thu.
- Chi phí duy trì nguồn nhân lực trên thị trường tăng nhất là khi chính sách BHXH thay đổi từ năm 2016.
- Tỷ giá có nhiều biến động sẽ là một thách thức khi phần lớn nguyên liệu đều nhập khẩu.

❖ *Điểm mạnh*

- Chất lượng sản phẩm và thương hiệu của Công ty ngày càng nâng cao.
- Năng lực sản xuất đã được nâng cao, có khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn.
- Đội ngũ người lao động ngày càng được nâng cao về chất và chuyên nghiệp hơn.

❖ *Điểm yếu*

- Hệ thống quản lý chưa khoa học.
- Marketing online còn yếu và chưa được chú trọng đầu tư.
- Năng lực quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp với sự phát triển của Công ty đặc biệt nhân lực cấp trung và cao còn thiếu.
- Hệ thống chính sách chưa hoàn thiện.
- Vốn ít dẫn tới việc khó tạo ra sức bật và khả năng tận dụng những cơ hội lớn nâng tầm công ty bị hạn chế.

Từ những nhận định cơ hội, thách thức trong năm 2015, Công ty đã đề ra một số giải pháp hành động cụ thể để đạt được những chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đặc biệt chú trọng đến những giải pháp sau :

- Xúc tiến thương mại, tìm kiếm các dự án đầu tư mới.
- Đầu tư phát triển đặt nền móng cho phát triển các sản phẩm cơ khí.
- Nâng cao năng lực cho lực lượng cán bộ kỹ thuật để đổi mới sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Hoàn thiện, tổ chức Nhà máy và đầu tư hệ thống phần mềm nâng cao năng lực quản lý.

- Chú trọng công tác đào tạo xây dựng đội ngũ.
- Hoàn thiện các Quy chế quản lý và hệ thống đánh giá để hỗ trợ cho việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới hiệu suất cao.
- Chú trọng kinh doanh các phụ kiện và thiết bị viễn thông thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh.
- Đầu tư thiết bị nâng cao giá trị sản phẩm tủ điện, mở rộng thị trường tủ điện phía Bắc.
- Xây dựng đội ngũ kinh doanh quốc tế chuyên nghiệp, phát triển thị trường nước ngoài, trước mắt là khu vực Asean.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường là một trong những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trong ngành, với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Theo kế hoạch tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua, toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm sẽ được lưu ký và niêm yết bổ sung ngay sau khi kết thúc đợt chào bán. Thời gian dự kiến đưa cổ phần phát hành thêm vào giao dịch là trong năm 2016.

Tuy nhiên, do Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SMT, Công ty cam kết thực hiện

đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 985.930 cổ phần
- Giá chào bán dự kiến:** 14.000 đồng/cổ phần
- Phương pháp tính giá:**

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp Giá trị sổ sách của cổ phiếu SMT tại thời điểm 31/12/2015
- Phương pháp lấy bình quân giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu SMT bình quân 30 phiên gần nhất từ ngày 01/02/2016 đến ngày 29/02/2016.

❖ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 29/02/2016:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 29/02/2016} &= \text{số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ} \\ &= 4.481.502 - 0 = 4.481.502 \text{ cổ phần} \end{aligned}$$

❖ Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu SMT tại thời điểm 31/12/2015 theo BCTC năm 2015:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2015 (mệnh giá 10.000 đồng, vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 31/12/2015 là: 44.815.020.000 VNĐ).

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{66.959.524.331 - 4.464.250.944}{4.481.502} = \mathbf{13.945 \text{ đồng/cp}} \end{aligned}$$

❖ Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu SMT bình quân 30 phiên gần nhất từ ngày 01/02/2016 đến ngày 29/02/2016 là 24.160 đồng/cổ phần (Nguồn lấy theo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)**❖ Kết luận**

Phương pháp	ĐVT	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp Giá trị sổ sách	Đồng	13.945	80%
Giá trị thị trường bình quân 30 phiên gần nhất	Đồng	24.160	20%

Trung bình giá quyền**Đồng/cổ phiếu****15.988****100%**

Giá cổ phiếu tính theo 2 phương pháp trên được làm tròn là: 15.988 đồng/cp.

Đánh giá mức độ pha loãng của cổ phiếu

Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định
- PR_{t-1} là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR là giá phát hành

Ví dụ: Giả sử giá cổ phiếu SMT vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành là 985.930 cổ phần, giá phát hành là 15.988 đồng/cổ phần.

Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 4.481.502 cổ phần. Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_{tc} = \frac{(20.000 \times 4.481.502) + (15.988 \times 985.930)}{4.481.502 + 985.930} = 19.270 \text{ đồng/cổ phần}$$

Từ đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu, đồng thời xét theo yếu tố thận trọng, tính thanh khoản hiện tại của cổ phiếu trên thị trường, và khả năng thành công của đợt phát hành đồng thời phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, giá chào bán của cổ phiếu SMT được xác định là 14.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương thức phân phối

- Đối với nhà đầu tư đã lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu.
- Đối với nhà đầu tư chưa lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối tại Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng từ Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Dự kiến thực hiện: trong năm 2016.

Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK	T	SMT, FPT
2	Công bố thông tin theo quy định	T đến T + 7	SMT, FPT
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.	T+3 đến T+18	SMT
4	Chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	T + 18 đến T + 34	SMT, FPT
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T+ 18 đến T + 40	NĐT
6	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có)	T + 42 đến T + 52	SMT
7	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T + 53 đến T + 60	SMT
8	Hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung	T + 80	SMT, FPT
9	HNX chấp thuận đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành	T + 80	SMT
10	Cổ phiếu phát hành chính thức giao dịch	T+ 82 đến T+90	SMT

(Ghi chú: T được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ **Thời hạn:** Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Kể từ ngày cổ đông hiện hữu nhận được thông báo quyền mua, cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua trong thời hạn 20 ngày làm việc tại: Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký cổ phiếu), và tại Văn phòng đại diện của Công ty cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường (đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký). Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

❖ **Số lượng:** Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 958.930 cổ phần

❖ Phương thức thanh toán

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký cổ phiếu (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): thanh toán bằng chuyển khoản tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: thanh toán bằng tiền mặt/chuyển khoản theo tài khoản của Công ty cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường cung cấp.

❖ Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.

❖ Quyền lợi người mua cổ phiếu

Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 22 cổ phần phát hành thêm. Số cổ phần mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

❖ Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 01 cổ phần.**9. Phương thức thực hiện quyền****❖ Điều kiện, thời gian thực hiện quyền**

- Điều kiện thực hiện quyền: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì sẽ được mua 22 cổ phần mới.
- Thời gian thực hiện quyền: Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

❖ Tỷ lệ thực hiện quyền

Tỷ lệ thực hiện quyền là 100:22 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua thì được mua 22 cổ phần phát hành thêm. Số cổ phần mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 105 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A sẽ được nhận thêm quyền mua $105/100 \times 22 = 23,1$ cổ phần mới, số lượng 0,1 cổ phần lẻ sẽ hủy bỏ. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 23 cổ phần phát hành thêm.

❖ Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

❖ Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người

khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (*người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba*) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Cổ phiếu SMT đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam “Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”

Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như: kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình. Tuy nhiên do hiện nay chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành nghề này. Vì vậy giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa theo quy định là 49%. Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2016, số lượng cổ phiếu của Công ty do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 1.108.045 cổ phần chiếm 24,72% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty dự kiến sẽ tăng lên 54.674.320.000 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

11. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)

Công ty xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có), cụ thể như sau:

- Chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) cho các đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp
- Giá chào bán không thấp hơn giá phát hành là 14.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời điểm phát hành cổ phiếu cho đối tượng khác được thực hiện ngay khi có kết quả chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ không bán hết do cổ đông không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP, đồng thời cam kết tuân thủ

theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

Sau khi kết thúc đợt chào bán, Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động với số vốn điều lệ mới và tiến hành đăng ký lại Giấy đăng ký kinh doanh theo quy định.

12. Phương án xử lý trong trường hợp không thu hồi đủ vốn theo phương án phát hành (nếu có):

Trong trường hợp kết thúc đợt chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không thu đủ như dự kiến phương án phát hành, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện xin gia hạn đợt chào bán nhằm thu được vốn theo phương án phát hành. Nếu sau khi gia hạn, Công ty vẫn không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, không thu đủ vốn như dự kiến trong phương án phát hành, thì vốn điều lệ mới sẽ đăng ký căn cứ theo số cổ phiếu thực tế phát hành và Công ty sẽ chủ động cân đối nguồn vốn theo nhu cầu thực tế.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.
- Đối với số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

14. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản: **Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường**
- Số tài khoản: 033.100.0123456
- Ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Bến Thành, TP.HCM
- Địa chỉ: 69 Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại: 84-8 3835 9323 Fax: 84-8 38359745/ 38325041

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích chào bán: đợt tăng vốn điều lệ từ **44.815.020.000** đồng lên **54.674.320.000** đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua ngày 25/03/2016, số vốn thu được dự kiến là **13.803.020.000 đồng** sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết sử dụng vốn như sau:

- **Trả nợ vay ngân hàng (các khoản vay dùng để mua nguyên vật liệu)**

Trong đó:

Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành với thời hạn vay 06 tháng theo từng lần nhận nợ:

STT	Số tài khoản vay	Nội dung	Số hợp đồng mua hàng	Số tiền
01	037000297564	Vay thanh toán tiền mua nhựa HDPE	003B/2016	1 753 933 500
02	037000300260	Vay thanh toán tiền mua nhựa HDPE	004B/2016	1 754 326 407
03	037000301431	Vay thanh toán tiền mua nhựa HDPE	5000508541	2 090 018 700
04	037000302226	Vay thanh toán tiền mua nhựa HDPE	004A/2016	1 170 860 625
05	037000302730	Vay thanh toán tiền mua nhựa PBT	6004121772	859 392 000
06	037000302758	Vay thanh toán tiền mua nhựa PBT	5000508542	1 396 464 300
07	037000302905	Vay thanh toán tiền mua nhựa HDPE	006/2016	1 314 884 340
08	037000304714	Vay thanh toán tiền mua sợi KFRP	130516/SMT-HT	2 633 718 528
09	037000305839	Vay thanh toán tiền mua nhựa LSZH	051816/SMT-KAIBO	830 973 000
TỔNG CỘNG				13.804.571.400^(*)

() Lưu ý: Phần dư nợ còn lại ($13.804.571.400 - 13.803.020.000 = 1.551.400$), Ban lãnh đạo Công ty cam kết sẽ chủ động dùng nguồn vốn khác để thực hiện chi trả.*

2. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Nguồn vốn huy động qua đợt chào bán tùy thuộc vào biến động của nền kinh tế, biến động ngành Viễn thông và Điện lực nói chung và thị trường chứng khoán. Từ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành này, Công ty sẽ sử dụng vào việc trả nợ vay ngân hàng (các khoản vay dùng để mua nguyên vật liệu) nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả nhất. Trong

trường hợp nguồn vốn này không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cần thiết, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay Ngân hàng, v.v....

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

Địa chỉ : Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (061) 351 4277/ (061) 351 4279 Fax: (061) 351 4276

Email : cbtt@sametel.com.vn

Website : <http://sametel.com.vn>

Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3551 3731 / (08) 3551 3732 Fax: (08) 3551 3735

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3910 3908/(08) 3910 4881 Fax: (08) 3910 4880

Website : <http://aascn.com.vn>

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (FPTS)

Địa chỉ : Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

❖ Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được bổ sung nguồn vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Với mức giá chào bán 14.000 đồng/cổ phần (*thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu SMT*) đây là một mức giá tương đối hấp dẫn, đồng thời đối tượng của đợt chào bán của đợt phát hành là cổ đông hiện hữu của Công ty nên người được quyền mua cổ phiếu hiệu rất

rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như ban lãnh đạo công ty. Vì vậy, đợt tăng vốn này của SMT có khả năng thành công cao. Nếu không có các diễn tiến thất thường gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, năm 2015
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính Quý I/2016
5. **Phụ lục V:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, KTT
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu khác.



TP. HCM, ngày 22 tháng 08 năm 2016

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Ngọc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thiện Cảnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Văn Dương

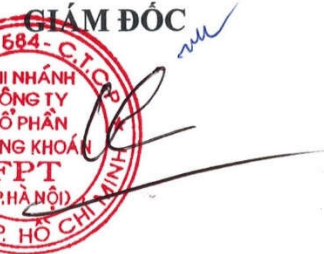

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Hà Hoàng Thế Quang

SAMETEL

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TRUNG

734-CTCP
Y
AN
VNVA
ONG
ING
DONG NAI





CTCP * N